



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 22 (từ 27/05/19 – 31/05/19)



ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này tăng so với tuần trước hiện đang ở mức 1.393,2 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 6,5 % lên mức 2.132 USD/tấn.

Thời tiết lạnh và mưa tại Brazil khiến ngành công nghiệp chế biến cà phê lo lắng chất lượng hạt sẽ bị giảm.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.393,2 USD/tấn, tăng 3,5% so với tuần trước và thấp hơn 6,5% so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.446 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.368 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.132 USD/tấn, tăng 6,5% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 20,4% so với cùng thời điểm năm 2018. Giá cao



nhất trong tuần đạt 2.253 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.050,3 USD/tấn. [1]

Tuần qua, giá cà phê đồng loạt chuyển biến tích cực. Tại sàn New York, giá cà phê Arabica đã hồi phục do xuất hiện các lệnh mua mạnh sau khi có tin biểu tình giữa các phe phái chính trị diễn ra tại 156 thành phố trên khắp Brazil có thể gây bất ổn cho việc giao hàng xuất khẩu. Trong khi đó, các lãnh đạo EU tỏ ra dứt khoát với vấn đề Brexit và cho đó là nguyên nhân chính làm kinh tế của khối trì trệ trong mấy năm qua. Chính điều này đã giúp giá cà phê Robusta đảo chiều tăng lên, nhưng không mạnh như sàn New York sau khi Bà Thủ tướng đương nhiệm của Vương quốc Anh từ chức vào ngày 24-05.

Các nhà phân tích vẫn cho rằng giá cà phê tăng liên tiếp chỉ là nhất thời, trong khi thị trường vẫn chưa xác định xu hướng tăng nên cần thận trọng bởi giá cà phê có thể đảo chiều bất ngờ.

Trong một bài thuyết trình do Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê (Cecafé) tổ chức ở São Paulo, tập đoàn môi giới và tư vấn INTL FCStone dự báo sản lượng Brazil năm nay chỉ khoảng 53 triệu bao, giảm 15,9% so với vụ trước, bao gồm 36,9 triệu bao cà phê Arabica và 16,1 triệu bao cà phê Conilon Robusta. Nhìn chung, dự báo này thấp hơn bình quân 5 triệu bao so với nhiều dự báo khác của cả Brazil lẫn Quốc tế, nhưng lại là một dự báo có uy tín nên đã tác động tâm lý thị trường đáng kể.

Thông tin thời tiết lạnh và nhiều mưa ở phía đông nam, tuy không gây ra sương giá ở vùng trồng cà phê chính của Brazil nhưng cũng làm cản trở việc thu hoạch, nhất là chất lượng hạt cà phê giảm sút mới đang khiến cho ngành công nghiệp lo ngại. Theo báo cáo của SAFRAS & Mercado, tính đến nay Brazil đã thu hoạch khoảng 22% sản lượng vụ mùa mới, tương đương với 13 triệu bao cà phê.

Bộ Thương mại Brazil cho biết, xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 4 đạt 2.684.380 bao, tăng 735.355 bao (tương đương mức tăng 37,7%) so với cùng kỳ năm 2018. Đây là tháng thứ 7 liên tiếp xuất khẩu cà phê của Brazil tăng mạnh.



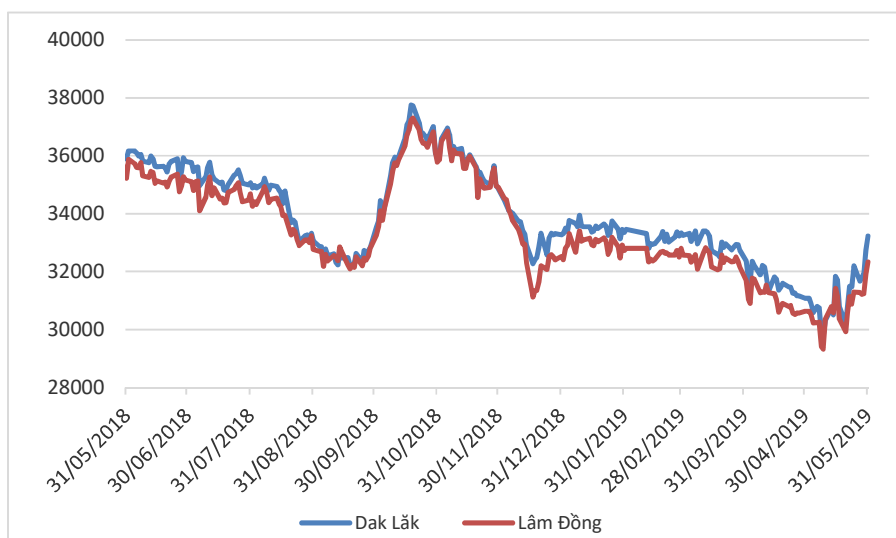
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục biến động tích cực trong tuần qua.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng 3,8% so với tuần trước lên mức 1.350 USD/tấn.

Lượng và giá trị xuất khẩu cà phê trong 5 tháng đầu năm 2019 đều giảm mạnh.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 32.270 đồng/kg, tăng 1.030 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 10,4% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 840 đồng so với tuần trước, ở mức 31.600 đồng/kg và thấp hơn 11,2% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này tăng 3,8% so với tuần trước lên mức 1.350 USD/tấn và vẫn thấp hơn 15,9% so với cùng kỳ năm 2018. [5]

Tuần qua, giá cà phê trong nước biến động tăng liên tiếp nhiều phiên khiến tâm lý của người dân trồng cà phê trở nên nhẹ nhõm hơn. Theo nguồn tin từ Tây Nguyên, nhiều gia đình đã tranh thủ xuất bán với số lượng nhỏ để có nguồn tiền sinh hoạt trong gia đình bởi một phần do lo ngại giá cà phê có thể quay đầu giảm bất cứ lúc nào, trong khi đến hiện tại nông dân cũng đã bán khoảng 80% sản lượng vụ 2018/19.

Việt Nam ước tính xuất khẩu cà phê trong tháng 5 đạt 135.000 tấn, giảm từ 143.296 tấn trong tháng 4. Lượng xuất khẩu cà phê trong 5 tháng đầu năm nay có thể giảm 13,1% so với cùng kỳ năm trước xuống 767.000 tấn. Kim ngạch xuất khẩu trong 5



tháng đầu năm giảm 23% so với năm trước, xuống còn 1,31 tỷ USD. Việc giá trị kim ngạch giảm trong gần nửa đầu năm nay là vấn đề mà hầu hết các nước sản xuất cà phê gặp phải khi giá tham chiếu tại các sàn giao dịch quốc tế đang ở mức thấp.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) gần đây đưa ra dự báo sản lượng vụ mùa sắp tới của Việt Nam khoảng 30,5 triệu bao, cao hơn một chút so với vụ trước, gồm 29,1 triệu bao cà phê Robusta và 1,4 triệu bao cà phê Arabica. USDA cũng dự kiến tồn kho mang sang niên vụ cà phê mới 2019/20 vào khoảng 2,133 triệu bao, sẽ bảo đảm nguồn cung đầy đủ cho thị trường tiêu dùng.

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biên động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	31.767	31.900	31.967	32.800	33.333	1080
Ea H'leo (xô vối)	31.700	31.833	31.967	32.767	32.600	940
Krông Năng (xô vối)	31.567	31.667	31.833	32.567	33.367	1040
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	32.100	32.200	32.300	33.100	33.633	1107
Ea H'leo (xô vối)	31.900	32.000	32.200	33.000	32.800	1000
Krông Năng (xô vối)	31.800	31.900	32.100	32.800	33.600	1020
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	31.633	31.333	31.300	32.000	32.500	887
Di Linh (xô vối)	31.100	31.100	31.100	32.000	32.300	880
Lâm Hà (xô vối)	31.100	31.200	31.300	31.800	32.200	740
Đà Lạt (xô chè)	41.000	41.000	39.000	41.000	42.000	1400
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	32.133	31.833	31.800	32.300	32.700	667
Di Linh (xô vối)	31.333	31.600	31.600	32.500	32.800	913
Lâm Hà (xô vối)	31.200	31.500	31.600	32.200	32.600	727
Đà Lạt (xô chè)	42.000	42.000	40.000	42.000	43.000	1400
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	31.450	31.450	31.700	32.450	33.200	1130
Đắk R'lấp (xô vối)	31.600	31.533	31.700	32.200	33.250	963
Đắk Song (xô vối)	31.650	31.650	31.700	32.200	33.350	985
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	31.750	31.750	32.000	32.750	33.500	1120
Đắk R'lấp (xô vối)	31.900	31.867	32.000	32.500	33.633	960
Đắk Song (xô vối)	31.950	32.000	32.000	32.500	33.700	965
Gia Lai						



<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	31.700	31.700	31.733	32.500	33.300	987
Plei ku (xô vối)	31.800	31.800	31.800	32.600	33.400	1053
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	32.233	32.233	32.300	33.033	33.833	987
Pleiku (xô vối)	32.333	32.333	32.333	33.133	33.933	1053
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	31.700	31.800	32.000	32.800	33.500	1060
Đắk Hà (xô vối)	31.600	31.750	31.950	32.750	33.350	1030
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	31.800	31.900	32.100	32.900	33.600	1040
Đắk Hà (xô vối)	31.800	31.900	32.100	32.900	33.550	1030

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

